TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ–ST
Ngày: 16/5/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hươn.

2/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST–HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2018/QĐST–HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1975 (có mặt).

HKTT: 01, tổ 1, KP Bình Dương A, phường L, Quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ Trần Trung Hòa, tổ 22, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai

2/ Bị đơn: Anh Hà Tấn Th, sinh năm 1973 (vắng mặt).

HKTT: 01, tổ 1, KP Bình Dương A, phường L, Quận B, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ Gia Phát, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

– Chị và anh Th xây dựng gia đình vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không ai

quan tâm đến ai, chị sống tại địa chỉ: Nhà trọ Trần Trung Hòa, tổ 22, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; anh Th sống tại địa chỉ: Nhà trọ Gia Phát, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Chị xác định không còn tình cảm với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

– Về con chung, có 04 cháu:

1/ Hà Tấn Q, sinh ngày 09/3/1993;

2/ Hà Tấn A, sinh ngày 28/02/1995;

3/ Hà Tấn E, sinh ngày 30/6/2001;

4/ Hà Thị Trúc M, sinh ngày 18/11/2010.

Cháu Q và cháu A đã trưởng thành; Cháu E và cháu M chưa trưởng thành, hiện đang sống chung với chị.

Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu E và cháu M, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con do chị đủ khả năng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hà Tấn Th, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Em và cháu Mai cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Hà Tấn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về nội dung:

Chị N, anh Th chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng được nguyên đơn xác định do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chung sống không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị N không còn tình cảm với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do anh Th không đến phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời

khai của nguyên đơn, xác minh của Tòa án và các chứng cứ, tài liệu Tòa án đã thu thập được có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung, có 04 con cháu:

1/ Hà Tấn Q, sinh ngày 09/3/1993;

2/ Hà Tấn A, sinh ngày 28/02/1995;

3/ Hà Tấn E, sinh ngày 30/6/2001;

4/ Hà Thị Trúc M, sinh ngày 18/11/2010.

Cháu Q, cháu A đã trưởng thành; cháu E, cháu M chưa trưởng thành. Nếu ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu E, M, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hai cháu E, M đều có nguyện vọng sống với chị N nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Em và cháu Mai cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị N là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Chị N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, 266, 271, 273, khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị N, chị N được ly hôn anh Hà Tấn Th.

– Về con chung: Giao cháu Hà Tấn E, sinh ngày 30/6/2001 và cháu Hà Thị Trúc M, sinh ngày 18/11/2010 cho chị N nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, chị N được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005319 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

3/ Chị Phan Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Tấn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND phường L, Quận B, Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thùy Trang